TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-ST
Ngày: 28-4-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/HSST ngày 21/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn N (tên gọi khác: E), sinh ngày 13/01/2002, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: 764/1 tỉnh lộ S, tổ 8, ấp 4, xã A, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lê Văn P (đã chết) và bà Lê Thị Ánh H, sinh năm: 1985; Bị cáo chưa có vợ con; Anh, chị, em ruột có 02 người kể cả bị cáo.

Tiền án: Không

Nhân thân: Ngày 18/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước. Ngày 27/3/2021, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

Tiền sự: Ngày 15/7/2021, sử dụng ma túy bị lập hồ sơ đưa vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để cắt cơn, giải độc Quyết định số 4494.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/11/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

-Bị hại: Bà Cổ Thị Bích L, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Hẻm 243 T, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

-Người có quyền lợi và nghĩa liên quan:

1. Ông Liêu Quốc N1, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5B, ấp M, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh,

2. Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cửa hàng điện thoại di động Tấn D, Tỉnh lộ W, ấp 1A, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn N2, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: 37, Đường số Q, ấp 6, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 20/6/2021, bị cáo Lê Văn N điều khiển xe gắn máy hiệu Honda loại Wave Alpha màu xám (chưa rõ biển số) lưu thông trên đường Hồ Văn Tắng hướng về Quốc lộ 22. Khi đến trước số nhà 35A, ấp X, xã P, huyện C thì bị cáo N thấy chị Cổ Thị Bích L đang điều khiển xe gắn máy loại Sirius màu trắng biển số 71C2-371.50 lưu thông phía trước cùng chiều, ở túi quần trước bên trái của chị L có để lộ ra một điện thoại di động hiệu OPPO A92 màu tím nên bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo N điều khiển xe vượt lên áp sát bên trái xe chị L, dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động OPPO A92 của chị L rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát về hướng Quốc lộ 22 xã Tân Phú Trung. Chị L truy hô "cướp, cướp, ...và điều khiển xe đuổi theo nhưng không đuổi kịp.

Bị cáo N mang điện thoại OPPO A92 vừa cướp giật được của chị L đến nhà bạn tên Nguyễn N2 và mượn của N2 số tiền 1.000.000 đồng, để lại chiếc điện thoại di động làm tin. N2 đồng ý. Đến 13 giờ ngày 21/6/2021, Bị cáo N nhờ N2 bán giúp chiếc điện thoại di động, N2 đồng ý. N2 mang điện thoại đến

tiệm cầm đồ "D" tại ấp 1A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho anh D được 2.000.000 đồng, trừ số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo N đã lấy trước đó, N2 đưa cho bị cáo N 1.000.000 đồng. bị cáo N có cho N2 tiền công bán điện thoại nhưng N2 không nhận.

Ngày 21/6/2021, chị L đến trình báo sự việc tại Công an xã Tân Phú Trung. Qua truy xét, xác định bị cáo N có liên quan đến vụ án nên Công an đã triệu tập bị cáo N lên làm việc. Qua làm việc, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 132/KL-HĐDGTS ngày 26/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi: 01 điện thoại di động OPPO A92 màu tím, dã qua sử dụng có giá 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về dân sự: Bị hại Cổ Thị Bích L yêu cầu bị cáo N bồi thường 2.000.000đồng nhưng bị cáo N chưa bồi thường.

Vật chứng thu giữ: Đối với chiếc xe máy bị cáo Lê Văn N sử dụng làm phương tiện gây án, do bị cáo N mượn bạn tên Liêu Quốc N1 hiện nay không thu giữ được, vì chiếc xe không có biển số nên Cơ quan điều tra không có thông tin để truy tìm. Việc bị cáo N lấy xe gắn máy của N1 đi cướp giật tài sản, N1 không biết. Qua xác minh hiện N1 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ.

Đối với Nguyễn N2 và Nguyễn Tấn D không biết điện thoại mà bị cáo N nhờ bán là do phạm pháp mà có nên không xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản cáo trạng số: 52/CT-VKS-CC ngày 21 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Phạt Bị cáo Lê Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

* Bị cáo tự bào chữa: Không.

* Lời nói sau cùng của Bị cáo: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, Bị cáo đã biết lỗi của Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng*:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Lời khai của bị cáo N được thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và vật chứng thu giữ, theo đó có cơ sở xác định: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20/6/2021, Lê Văn N điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) áp sát xe của chị Cổ Thị Bích L dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại đi động hiệu Oppo A92 màu tím của chị L rồi tăng ga tẩu thoát. Kết luận định giá tài sản chiếc điện thoại Oppo A92 có giá: 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo dùng xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết "dùng thủ đoạn nguy hiểm". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực

hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình, cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội "trộm cắp tài sản" nhưng khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không xác định là tiền án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

*Đối với chiếc xe máy bị cáo Lê Văn N sử dụng làm phương tiện gây án, do bị cáo N mượn bạn tên Liêu Quốc N1 hiện nay không thu giữ được, vì chiếc xe không có biển số nên Cơ quan điều tra không có thông tin để truy tìm. Việc Nhân lấy xe gắn máy của N1 đi cướp giật tài sản, N1 không biết. Qua xác minh hiện N1 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tách ra để xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

* Đối với Nguyễn N2 và Nguyễn Tấn D không biết điện thoại mà bị cáo N nhờ bán là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000đồng, tại phiên Tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét thấy sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[6] *Án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm:* Bị cáo N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản"

- Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Lê Văn N có trách nhiệm bồi thường cho bà Cổ Thị Bích L số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng, bồi thường một lần ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bị cáo N phải chịu.

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) buộc Bị cáo N phải chịu.

- Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Bộ phận THA hình sự (05);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Ngọc